

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động lành tính, giảm co trong biên độ hẹp

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm vượt trội so với chỉ số cơ sở VN30 Index

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

NVL

[Cập nhật công ty]

GAS

[Quan điểm đầu tư]

Khuyến nghị lựa các vùng giá cao, khi chỉ số tiếp cận vùng kháng cự, để chốt lời các vị thế T+ đã mở theo khuyến nghị và tiếp tục thu hẹp tỷ trọng các vị thế ngắn hạn

05/06/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	886.22	+0.26
VN30	826.47	+0.33
HĐTL VN30F1M	825.00	+1.23
HNXIndex	118.08	+0.56
HNX30	231.73	+1.58
UPCoM	56.43	+0.18
USD/VND	23,260	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.04	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.34	+8
Dầu (WTI, \$)	38.03	+1.66
Vàng (LME, \$)	1,710.89	-0.18



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 886.22 (+0.26%)
KLGD (triệu CP) 451.4 (+14.5%)
GTGD (triệu US\$) 273.7 (-4.2%)

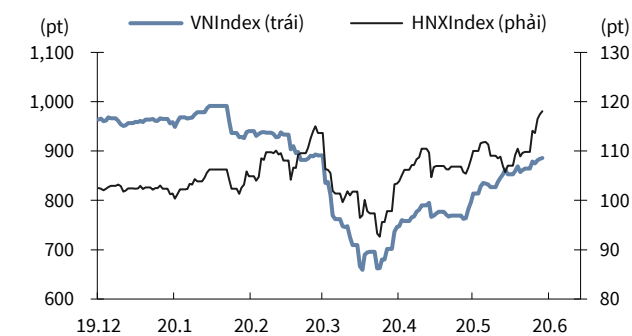
HNXIndex 118.08 (+0.56%)
KLGD (triệu CP) 67.4 (+3.6%)
GTGD (triệu US\$) 31.0 (+5.8%)

UPCoM 56.43 (+0.18%)
KLGD (triệu CP) 49.2 (-15.5%)
GTGD (triệu US\$) 19.5 (+46.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -8.2

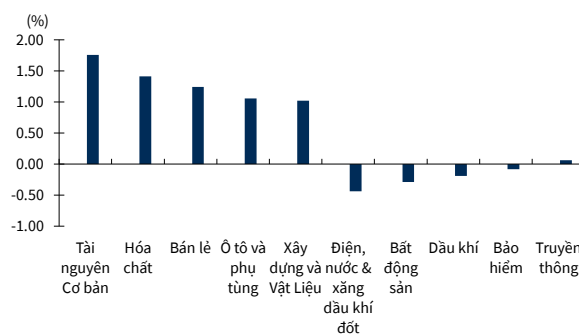
TTCK Việt Nam biến động linh xình, giằng co trong biên độ hẹp và đóng cửa ở mức tăng điểm nhẹ trước kỳ vọng hiệp định EVFTA sẽ được quốc hội thông qua vào phiên họp ngày thứ 2 tới đây. Cụ thể, các nhóm cổ phiếu được kỳ vọng hưởng lợi từ EVFTA đồng loạt tăng giá trong phiên hôm nay, có thể kể đến cổ phiếu ngành thủy sản như VHC (+6.6%), ANV (+5.5%); cổ phiếu ngành dệt may như TNG (+5.7%), EVE (+4.4%); cổ phiếu ngành cảng biển như GMD (+5%), HAH (+1.3%); cổ phiếu ngành khu công nghiệp như ITA (+6.9%), KBC (+1.4%). Thông tin từ NHNN cho biết tăng trưởng tín dụng 5 tháng đầu năm chỉ đạt 1.96% (so với mức tăng 5.74% cùng kỳ 2019), khiến đà tăng ở nhóm cổ phiếu ngân hàng chững lại, với một số mã cổ phiếu điều chỉnh nhẹ như CTG (-0.8%), MBB (-0.6%). Nhóm cổ phiếu cao su thiên nhiên đồng loạt tăng ở TNC (+6.9%), PHR (+1.7%), tương đồng với diễn biến tăng của giá cao su thiên nhiên, giao dịch trên sàn TOCOM phiên hôm qua. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng, tập trung ở E1VFN30 (+0.4%), HPG (+1.7%), TDH (+1.6%).

VNIndex & HNXIndex



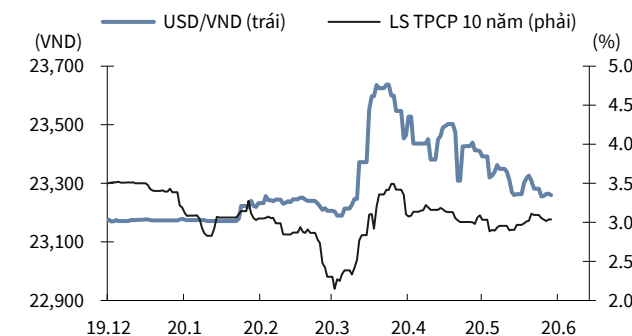
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



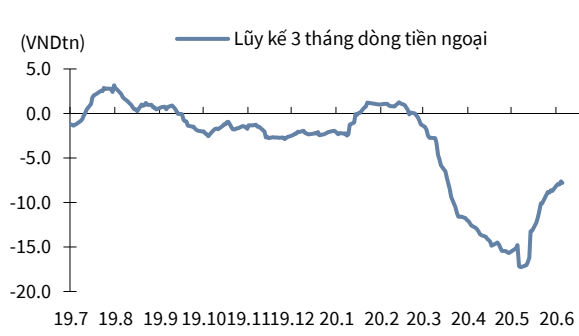
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



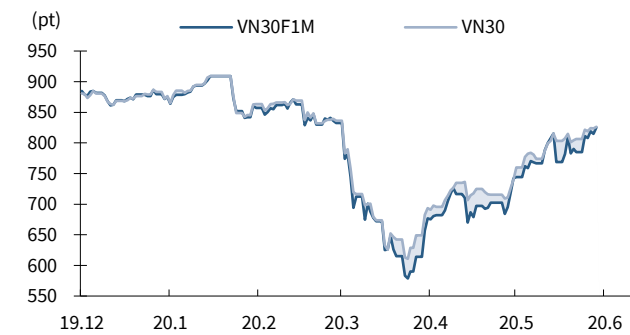
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	826.47 (+0.33%)
VN30F1M	825.0 (+1.23%)
Mở cửa	813.0
Cao nhất	825.0
Thấp nhất	809.3
KLGD (HĐ)	144,902 (+9.5%)

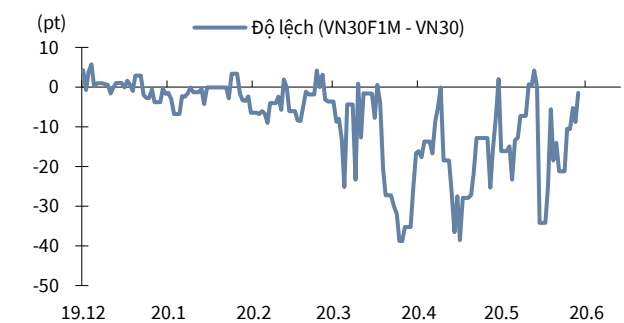
Các HĐTL đồng loạt tăng điểm vượt trội so với chỉ số cơ sở VN30 Index trong bối cảnh khối ngoại có phiên mua ròng ngay từ phiên sáng, khi mà chênh lệch âm đang ở mức cao. Chênh lệch âm được nới rộng ra trong phiên sáng, có thời điểm xuống -13.1 điểm, khi nhà đầu tư nội địa tăng vị thế bán, trước khi thu hẹp đáng kể trong phiên chiều và đóng cửa ở mức -1.5 điểm khi diễn biến tăng điểm trên thị trường cơ sở kích thích nhà đầu tư nội mở vị thế mua. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên mua ròng ở F2006, trong khi bán ròng ở VN30 ETF. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ trong phiên hôm qua nhưng vẫn ở mức thấp.

HĐTL VN30F1M & VN30



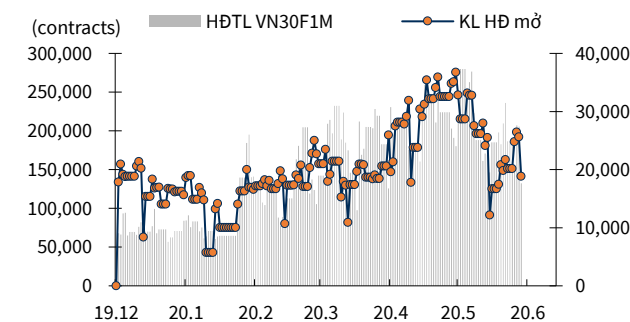
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



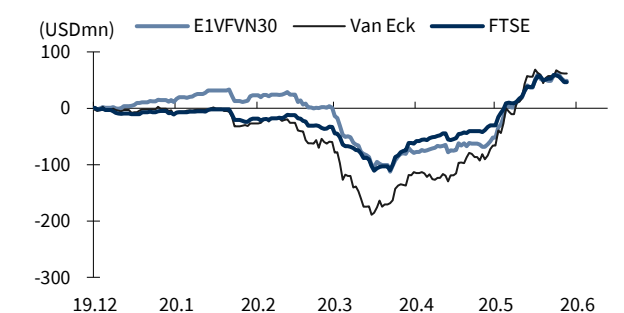
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

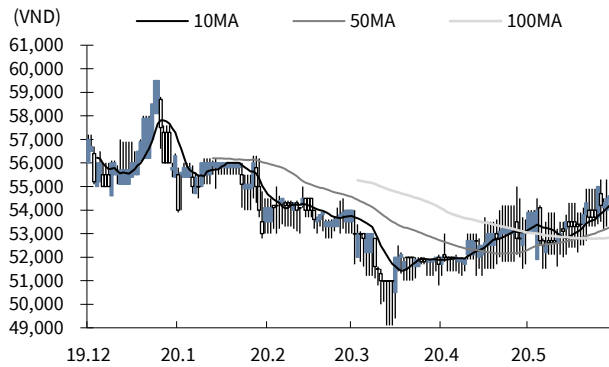
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Novaland (NVL)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL tăng 0.2% lên 54,600 VNĐ/cp.
- ĐHCĐ NVL diễn ra sáng ngày hôm nay đã thông qua kế hoạch kinh doanh 2020 bao gồm lợi nhuận sau thuế 3,650 tỷ (+8% YoY), doanh thu 14,877 tỷ (+36% YoY). Doanh thu và lợi nhuận năm 2020 chủ yếu đến từ 10 dự án BĐS mà Novaland có kế hoạch bàn giao nhà trong năm nay, chủ yếu là chung cư cao cấp ở quận 2, quận 7, Phú Nhuận, và một phần dự án Aqua City, NovaHills Mũi Né, NovaWorld Hồ Tràm.
- Công ty dự kiến không chia cổ tức đối với lợi nhuận 2019 và 2020, đồng thời lên kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP (không quá 1.5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành) dành cho người lao động với giá bán không thấp hơn 10,000 VNĐ/cp.

PV Gas (GAS)

Kết quả 5 tháng vượt tiến độ kế hoạch năm

Lợi nhuận kế hoạch 5 tháng vượt tiến độ kế hoạch năm

— Lợi nhuận trước thuế 5 tháng là 4,500 tỷ VND đạt 54% kế hoạch cả năm 8,204 tỷ VND (GAS không công bố lợi nhuận sau thuế). Dù không công bố báo cáo tháng thường xuyên, BLĐ nói rằng kết quả 5 tháng đã đạt 134% kế hoạch nội bộ. Doanh thu đạt 27,600 tỷ VND, tương đương 42% kế hoạch cả năm & 106% kế hoạch 5 tháng. Sản lượng khí tự nhiên 5 tháng ở mức 3.8 tỷ mét khối (đạt 42% kế hoạch cả năm & 101% kế hoạch 5 tháng); sản lượng khí hòa lỏng LPG là 720 nghìn tấn (tương ứng 55% kế hoạch cả năm & 141% kế hoạch 5 tháng) và sản lượng khí ngưng tụ condensate đạt 26 nghìn tấn (tương ứng 47% kế hoạch cả năm & 110% kế hoạch 5 tháng). Dù đạt được mục tiêu 5 tháng, BLĐ GAS thường đặt kế hoạch lợi nhuận khá thận trọng. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế 5 tháng dù vượt kế hoạch nhưng chỉ mới đạt 45% lợi nhuận nhận định chung của thị trường là 9,992 tỷ VND bất chấp các yếu tố vụ mùa.

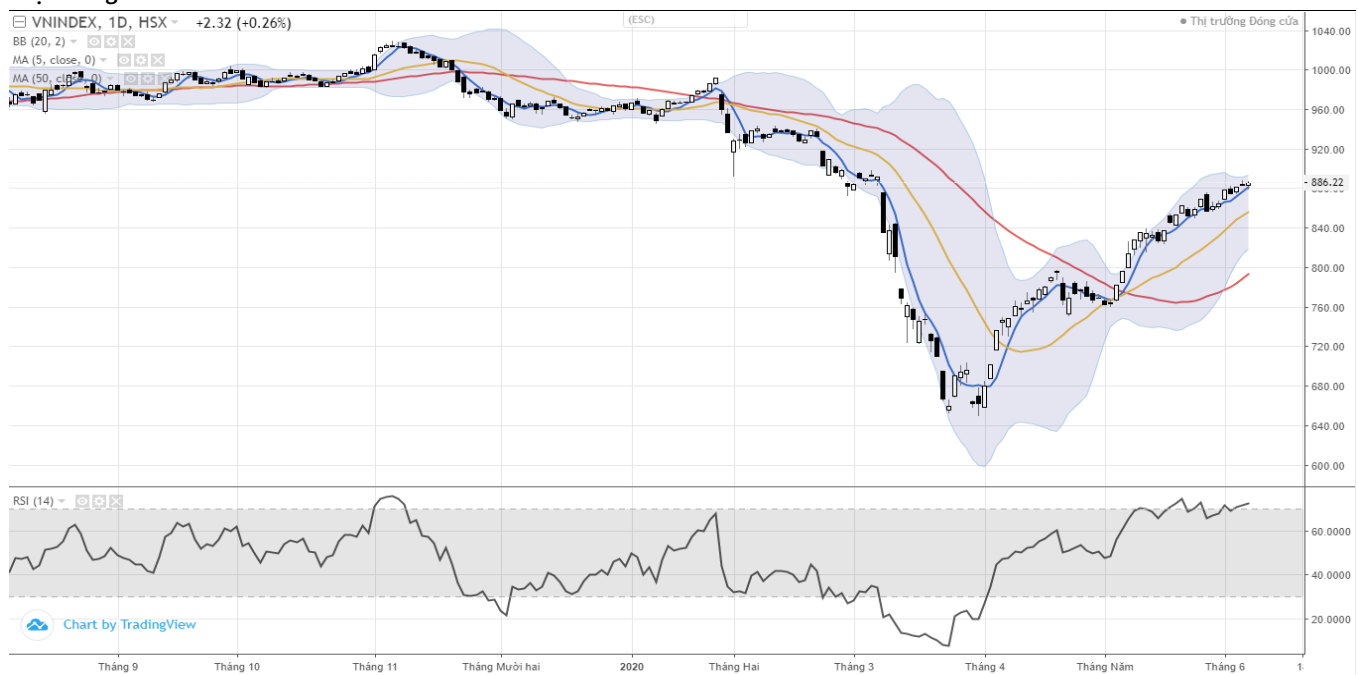
BLĐ thừa nhận vẫn đang khó khăn vì COVID-19 và vấn đề kỹ thuật tại Lô 11.2

— GAS gặp khó khăn trong năm nay do 1) giá bán khí thấp do giá Brent và giá dầu HSFO vẫn còn rất thấp và 2) vấn đề kỹ thuật liên quan đến Lô 11.2 vào ngày 8/3 dẫn đến giảm sản lượng. Giá dầu HSFO (hàng hóa mà giá bán khí neo theo) rớt 49% trong khi giá Brent giảm 42% từ đầu năm. Hơn nữa, vấn đề ở Lô 11.2 đã khiến sản lượng 1.5 triệu mét khối/ngày nhưng vẫn chưa rõ nó đã hoạt động lại bình thường hay chưa. Thông thường, Lô 11.2 tạo ra khoảng 0.9 tỉ mét khối/năm (tương ứng 14% sản lượng Nam Côn Sơn & 9% tổng sản lượng khí khô Việt Nam). BLĐ cũng thừa nhận dịch COVID-19 đã trì hoãn dự án Nam Côn Sơn 2-giai đoạn 2 liên quan đến các kỹ sư quốc tế không thể nhập cảnh trong giai đoạn dịch.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

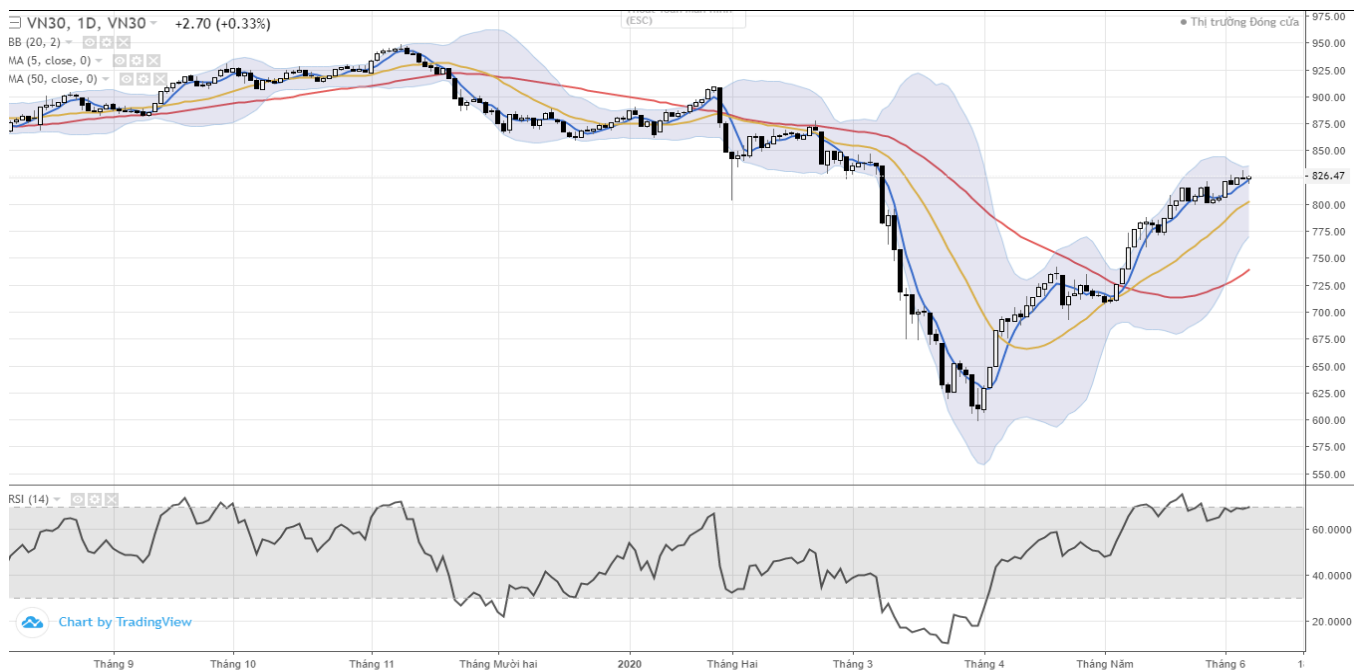
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

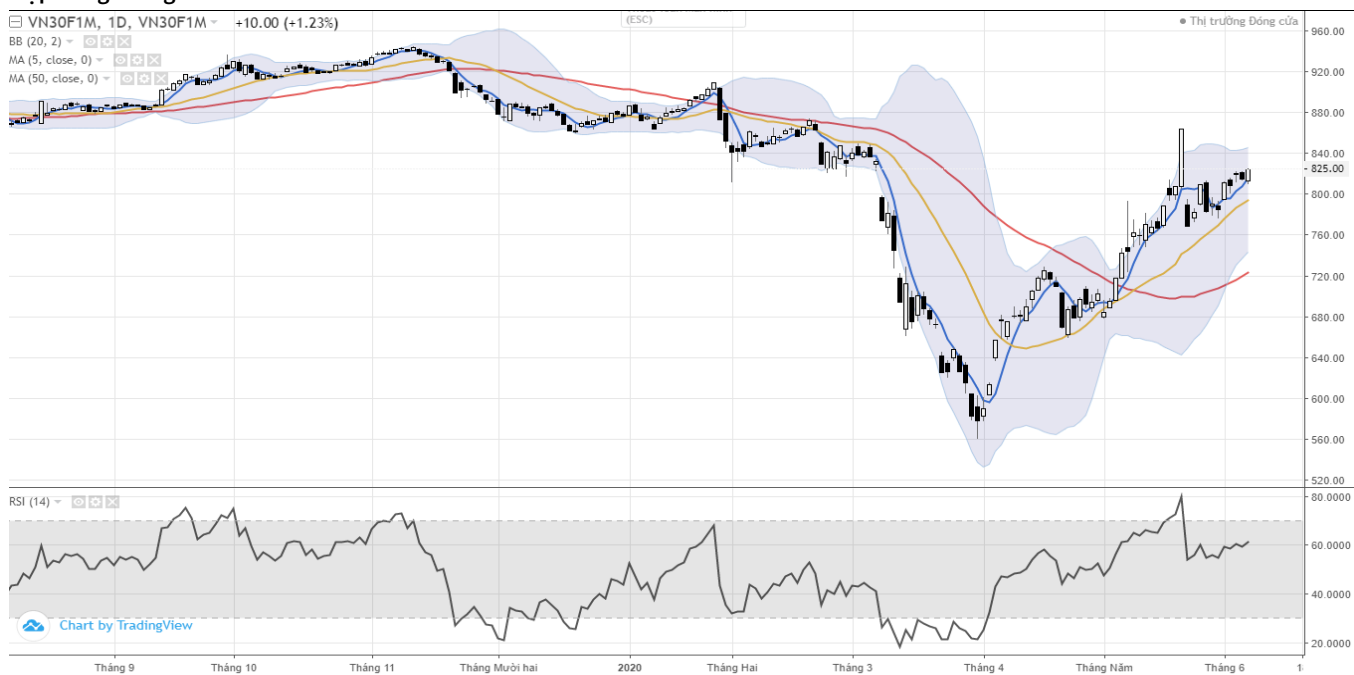
- VNIndex tiếp tục trụ vững tại vùng hỗ trợ và cũng là điểm mua gần quanh 880 điểm.
- Những phiên tích lũy sát vùng đỉnh cùng với lực cầu bắt đáy sớm xuất hiện khiến chúng tôi cho rằng cơ hội tiếp tục đi lên đã trở nên sáng sủa hơn. Chỉ số được kỳ vọng sẽ chinh phục vùng đích tiếp theo tại quanh 900 (+5 điểm).
- NĐT được khuyến nghị lựa các vùng giá cao, khi chỉ số tiếp cận vùng kháng cự, để chốt lời các vị thế T+ đã mở theo khuyến nghị và tiếp tục thu hẹp tỷ trọng các vị thế ngắn hạn.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau phiên rung lắc, VN30 và F1 cũng đã lấy lại được động lực hồi phục sau khi thử thách kênh tăng giá ngắn hạn.
- Diễn biến trong phiên cho thấy áp lực phân phối phần nào được hấp thụ và chỉ số đã tạo được nhịp bật phá tích cực khỏi nền tích lũy. Nếu tạo dựng được thêm nhịp tăng ngay đầu phiên tới, chỉ số sẽ có cơ hội tiến lên vùng đích kỳ vọng tiếp theo tại quanh 840 (+5 điểm).
- NĐT được khuyến nghị cover lại hết các vị thế SHORT đã mở, đồng thời đảo sang vị thế LONG khi VN30 điều chỉnh về vùng hỗ trợ trong phiên với điểm Stop nếu VN30 phá 824.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

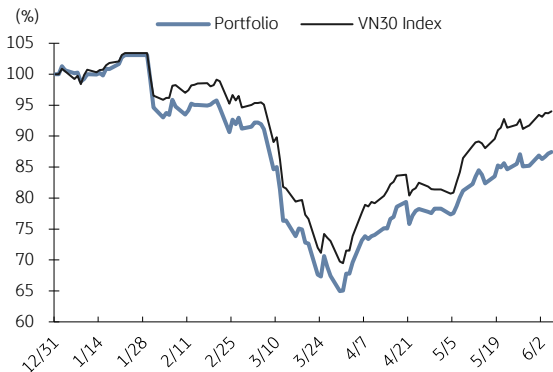
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.33%	0.28%
Tăng lũy kế (YTD)	-5.98%	-12.55%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 05/06/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	86,100	0.7%	-25.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	24,250	-0.2%	-9.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	63,700	0.0%	-16.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,900	-0.6%	-9.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	32,000	0.0%	-5.9%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	48,700	0.6%	45.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	24,450	-0.8%	0.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	114,300	0.0%	-11.5%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	27,050	1.7%	15.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	14,400	1.4%	5.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	1.2%	58.9%	65.4
VCB	0.0%	23.8%	38.4
VRE	0.2%	30.7%	15.8
FUEVFNVD	-0.6%	98.4%	12.5
VHM	-0.3%	13.8%	12.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
E1VFN30	0.4%	98.7%	-131.3
HPG	1.7%	36.4%	-111.2
TDH	1.6%	30.6%	-30.7
VIC	-1.0%	14.0%	-24.3
MSN	-0.8%	39.3%	-16.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DGC	3.8%	0.8%	1.1
VCS	2.4%	2.7%	1.0
NTP	4.2%	18.8%	0.3
BTW	-7.1%	20.7%	0.2
HHG	0.0%	1.6%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	1.5%	12.7%	-36.9
SHB	0.6%	7.2%	-8.9
TIG	-1.5%	14.1%	-1.9
SHS	9.4%	7.7%	-1.6
PGS	-1.3%	9.2%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	5.1%	VCB, BID
Dịch vụ tài chính	5.1%	SSI, VCI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.2%	GAS, PPC
Hóa chất	3.1%	PHR, AAA
Ô tô và phụ tùng	3.0%	TCH, HHS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-0.9%	HPG, TNI
Truyền thông	-0.5%	PNC, AAA
Bảo hiểm	-0.5%	BVH, BIC
Bất động sản	0.4%	VIC, PDR
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.9%	LGC, SVI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	15.8%	VCB, BID
Tài nguyên Cơ bản	15.4%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	15.2%	SSI, VCI
Hóa chất	11.1%	PHR, DPM
Thực phẩm và đồ uống	10.1%	VNM, SAB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-0.1%	SVC, CSM
Du lịch và Giải trí	0.3%	VJC, RIC
Bảo hiểm	2.6%	BIC, PGI
Y tế	2.6%	DBD, DHG
Bất động sản	4.1%	VIC, PDR

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	95,000	321,331 (13,815)	66,412 (2.8)	22.7	46.0	28.5	26.7	8.2	11.9	3.8	3.3	-1.0	-2.1	2.5	-17.4
	VHM	VINHOMES JSC	77,300	254,279 (10,932)	222,709 (9.6)	35.2	9.5	8.4	34.7	38.7	30.8	3.1	2.3	-0.3	0.9	21.5	-8.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,450	64,647 (2,779)	115,629 (5.0)	18.3	24.4	19.0	6.3	9.6	11.1	2.3	2.1	0.2	3.5	20.8	-16.3
	NVL	NO VA LAND INVES	54,600	52,937 (2,276)	59,225 (2.5)	32.4	17.9	18.9	-10.9	12.0	11.7	2.1	1.9	0.2	1.7	3.4	-8.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	23,350	12,249 (527)	17,623 (0.8)	5.1	11.3	10.1	15.8	14.4	14.8	1.5	1.4	1.5	6.1	11.2	-13.2
	DXG	DAT XANH GROUP	12,000	6,226 (268)	43,013 (1.8)	9.1	6.1	5.3	-14.2	12.0	14.3	0.7	0.7	0.8	6.2	27.7	-17.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	89,000	330,090 (14,191)	101,205 (4.3)	6.2	19.4	15.8	13.6	20.7	20.7	3.4	2.8	0.0	4.5	33.2	-1.3
	BID	BANK FOR INVESTM	42,100	169,327 (7,280)	68,684 (2.9)	12.3	31.6	19.7	-11.3	9.1	12.3	2.2	2.0	0.7	5.0	19.3	-8.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,450	75,078 (3,228)	59,479 (2.6)	0.0	7.2	6.3	5.9	16.6	16.4	1.0	0.9	1.2	3.6	23.3	-8.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	24,450	91,037 (3,914)	165,231 (7.1)	0.2	13.6	10.1	16.4	10.1	12.0	1.1	1.0	-0.8	8.7	23.2	17.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	24,500	59,725 (2,568)	152,701 (6.5)	0.0	7.7	6.4	1.0	16.8	16.6	1.2	1.0	2.1	4.9	20.4	22.5
	MBB	MILITARY COMMERC	17,900	43,165 (1,856)	144,637 (6.2)	0.0	5.6	4.7	7.8	18.3	18.8	0.9	0.8	-0.6	4.1	13.3	-13.9
	HDB	HDBANK	27,500	26,563 (1,142)	27,126 (1.2)	8.8	7.8	6.3	10.2	19.9	20.7	1.2	1.0	-1.1	13.6	27.0	-0.2
	STB	SACOMBANK	10,550	19,029 (818)	133,617 (5.7)	14.5	8.6	6.8	31.8	8.8	10.0	0.7	0.6	-0.5	2.4	17.6	5.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	21,950	17,924 (771)	4,704 (0.2)	0.0	5.8	4.9	44.5	24.0	21.6	1.1	-	-0.2	6.3	24.7	4.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,700	21,761 (936)	7,302 (0.3)	0.0	38.1	36.5	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	0.3	2.3	18.0	-0.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	49,750	36,931 (1,588)	51,157 (2.2)	20.6	35.5	26.8	-5.4	6.1	8.0	1.9	1.8	-0.2	-0.4	10.6	-27.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	21,500	1,964 (084)	5,421 (0.2)	13.1	-	-	-	6.8	8.6	0.9	0.8	1.4	-1.1	-4.0	-13.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	15,700	9,435 (406)	75,766 (3.3)	49.6	11.1	8.7	-17.7	8.9	10.7	0.9	0.8	0.0	6.1	24.1	0.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	25,200	4,140 (178)	19,937 (0.9)	71.2	9.0	7.0	-24.9	10.9	12.8	0.9	0.9	0.0	10.5	36.2	-14.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	20,000	6,105 (262)	49,802 (2.1)	46.7	13.7	8.5	-22.5	10.1	15.7	1.4	1.3	1.5	6.4	25.8	-6.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	13,750	2,867 (123)	11,329 (0.5)	13.1	12.4	7.8	-19.1	7.1	10.7	0.9	0.8	1.1	7.8	28.5	-4.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	119,200	207,572 (8,924)	165,413 (7.1)	41.2	20.9	19.5	4.4	37.9	39.2	6.9	6.3	1.2	3.7	18.6	2.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	179,000	114,789 (4,935)	15,526 (0.7)	36.6	28.2	23.4	1.2	21.6	24.2	5.7	5.0	0.0	1.5	18.0	-21.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	63,000	73,644 (3,166)	96,800 (4.2)	9.7	46.1	29.6	-45.3	5.1	6.0	1.7	1.6	-0.8	0.5	11.7	11.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	15,500	17,183 (739)	14,000 (0.6)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	1.3	1.0	19.7	11.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	114,300	59,875 (2,574)	54,294 (2.3)	11.6	24.6	11.9	-31.3	14.3	27.0	3.5	3.1	0.0	1.2	2.5	-21.8
	GMD	GEMADEPT CORP	20,850	6,191 (266)	8,486 (0.4)	0.0	16.3	14.9	-54.5	6.0	7.0	1.0	1.0	5.0	6.4	15.8	-10.5
	CII	HO CHI MINH CITY	19,100	4,562 (196)	25,416 (1.1)	26.6	13.4	14.3	105.5	7.7	7.0	0.9	0.9	-1.3	-1.0	-1.5	-15.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,450	1,958 (084)	65,931 (2.8)	46.7	-	-	-	-	-	-	-	6.8	-1.4	-3.9	-80.1
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	17,450	8,201 (353)	53,219 (2.3)	33.8	11.3	8.8	-16.2	11.7	13.9	1.2	1.2	2.6	0.0	15.9	-9.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,585 (240)	32,932 (1.4)	2.4	9.9	9.9	-39.4	6.4	6.8	0.7	0.6	1.7	-3.7	20.0	42.7
	REE	REE	32,000	9,922 (427)	20,040 (0.9)	0.0	6.3	5.5	-5.9	14.1	14.5	0.9	0.8	0.0	2.4	6.7	-11.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	77,000	147,374 (6,336)	67,286 (2.9)	45.7	17.7	15.2	-15.7	16.0	19.3	3.0	2.8	-1.3	3.5	17.6	-17.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	21,350	6,146 (264)	8,331 (0.4)	31.1	8.7	8.1	-2.9	16.9	18.4	1.4	1.4	1.2	1.2	7.0	-1.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,850	8,288 (356)	5,101 (0.2)	32.6	8.4	9.3	-8.3	16.3	14.8	1.3	1.3	5.5	7.3	5.5	-3.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	27,050	74,687 (3,211)	311,810 (13.4)	12.7	8.9	6.9	-2.3	17.1	18.5	1.4	1.2	1.7	-1.3	26.4	15.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	14,850	5,811 (250)	48,671 (2.1)	36.8	10.6	9.9	-4.9	7.9	7.8	0.7	0.7	1.7	0.3	10.8	14.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	8,430	4,463 (192)	14,740 (0.6)	47.1	10.4	22.9	-14.7	7.8	3.5	0.7	0.7	1.1	-0.7	4.7	29.7
	HSG	HOA SEN GROUP	10,600	4,710 (203)	109,041 (4.7)	34.5	8.3	7.5	20.0	9.9	9.8	0.7	0.7	6.9	6.3	37.7	42.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	13,750	2,354 (101)	31,687 (1.4)	35.8	6.0	10.1	51.8	14.8	9.0	0.7	0.6	2.2	10.4	13.6	8.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	47,000	55,968 (2,406)	48,894 (2.1)	6.7	21.6	16.3	-11.4	13.0	17.2	2.6	2.4	-0.3	1.8	16.3	-16.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,350	4,780 (205)	72,016 (3.1)	36.6	38.1	26.0	-9.0	1.0	0.9	0.4	0.3	1.3	7.1	19.3	-24.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	11,550	3,251 (140)	20,943 (0.9)	23.7	6.9	6.2	-17.0	10.3	11.2	0.6	0.6	0.9	6.5	18.8	-31.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	86,100	38,988 (1,676)	108,377 (4.6)	0.0	9.6	7.7	15.9	29.9	30.7	2.5	1.9	0.7	1.8	8.6	-24.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	63,700	14,344 (617)	62,546 (2.7)	0.0	15.5	12.5	1.0	21.2	22.5	2.8	2.4	0.0	1.0	13.8	-25.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	57,800	1,705 (073)	2,167 (0.1)	69.3	24.3	17.7	-28.1	6.7	8.5	1.5	1.5	0.0	-0.7	8.0	56.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	27,450	2,168 (093)	32,502 (1.4)	13.2	13.7	12.6	-31.7	12.2	12.1	1.5	1.4	6.8	4.8	38.6	30.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	54,600	7,398 (318)	90,062 (3.9)	39.0	6.9	6.7	30.3	38.0	32.7	2.4	2.1	1.7	7.3	24.0	42.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	92,700	12,120 (521)	2,166 (0.1)	45.6	18.8	17.4	4.4	19.6	19.3	3.4	3.2	-0.4	0.4	-1.2	1.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	61,600	4,621 (199)	1,474 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	1.0	4.4	2.8	13.4
IT	FPT	FPT CORP	48,700	38,176 (1,641)	111,102 (4.8)	0.0	11.2	9.7	18.0	24.1	25.2	2.4	2.1	0.6	1.6	10.0	-3.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congltd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.